

Số: 1391/QĐ-ĐHTĐHN

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trình độ đại học của Trường đại học Thủ đô Hà Nội

Căn cứ Quyết định số 2402/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Thủ đô Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 3221/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1390/QĐ-ĐHTĐHN ngày 01/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo và Công tác HSSV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trình độ đại học của Trường đại học Thủ đô Hà Nội”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 78/QĐ-ĐHTĐHN ngày 28/01/2022 của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng đơn vị thuộc và trực thuộc Trường chịu trách nhiệm triển khai và thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng Trường;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, QLĐT&CTHSSV.

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Hồng Cường

QUY ĐỊNH**Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trình độ đại học
của Trường đại học Thủ đô Hà Nội**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1391/QĐ-ĐHTĐHN ngày 01/8/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về việc xem xét, công nhận kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác khi chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần có trong chương trình đào tạo tại Trường đại học Thủ đô Hà Nội (sau đây gọi tắt là Trường).

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên đang theo học trình độ đại học của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học/học phần (sau đây gọi chung là học phần) và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Tín chỉ (TC) là đơn vị dùng để đo lường khối lượng kiến thức, kỹ năng và kết quả học tập đã tích lũy được trong một khoảng thời gian nhất định; Đối với hoạt động dạy học trên lớp, 01 (một) tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ (tiết) giảng trên lớp hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

3. Học phần (HP) là một tập hợp hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm thực hiện một số mục tiêu học tập cụ thể, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thuộc một phạm vi chuyên môn hẹp trong chương trình đào tạo.

4. Đề cương chi tiết học phần phản ánh số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần; nội dung lý thuyết và thảo luận/thực hành, phương pháp giảng dạy, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

5. Học phần được công nhận (HP ĐCN) là học phần mà sinh viên đã tích lũy được ở một chương trình đào tạo khác, ngành đào tạo khác hoặc ở một cơ sở đào tạo khác.

6. Học phần được chuyển đổi (HP ĐCD) kết quả học tập là học phần mà sinh viên được miễn học, miễn thi và được kế thừa điểm từ học phần được công nhận.

7. Học phần tương đương là học phần có mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và mức độ đóng góp của học phần đối với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tương đương với nhau. Hai học phần được gọi là tương đương với nhau nếu đề cương chi tiết của học phần có nội dung giống nhau từ 70% trở lên (tính theo thời lượng của học phần); Các học phần tương đương được xem xét để công nhận và chuyển đổi tín chỉ lẫn nhau.

Điều 3. Quy định chung

1. Hội đồng chuyên môn của Trường xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình theo các cấp độ:

- a) Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;
- b) Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần;
- c) Công nhận, chuyển đổi theo cả chương trình đào tạo.

2. Khối lượng học tập tối đa được công nhận, chuyển đổi kết quả học tập không vượt quá 50% tổng khối lượng học tập toàn khóa đã được thiết kế của chương trình đào tạo.

3. Mỗi sinh viên chỉ thực hiện 1 lần duy nhất vào học kỳ đầu tiên của khóa học. Đối với sinh viên học tập tại Trường theo nhiều ngành (học cùng lúc 2 chương trình), nhiều hình thức đào tạo (chính quy, vừa làm vừa học, từ xa) thì được công nhận kết quả học tập, chuyển đổi tín chỉ nhiều lần theo các học kỳ với các học phần cùng có trong các chương trình đào tạo, đảm bảo khối lượng học tập tối đa được công nhận, chuyển đổi kết quả học tập theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Đối với học phần mà sinh viên đã tích lũy được ở một chương trình đào tạo khác, ngành đào tạo khác hoặc ở một cơ sở đào tạo khác mà không có minh chứng thể hiện thời lượng học phần (số tín chỉ/đơn vị học trình) và điểm trung bình chung học phần thì không thực hiện công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ theo từng học phần, nhóm học phần.

5. Đối với các học phần Giáo dục Quốc phòng và An ninh (GDQP&AN), sinh viên chỉ được xem xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với các học phần tích lũy được ở một chương trình đào tạo khác, ngành đào tạo

khác hoặc ở một cơ sở đào tạo khác khi nội dung học phần đáp ứng theo Chương trình GDQP&AN hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

6. Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đối với các chương trình liên kết đào tạo quốc tế thực hiện theo thoả thuận hoặc hợp đồng liên kết, hợp tác giữa Trường với cơ sở giáo dục nước ngoài nhưng không trái với những nội dung của Quy định này.

7. Sinh viên của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội được học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác và ngược lại (sau đây gọi là trao đổi sinh viên) theo quy định của quy chế đào tạo. Trên cơ sở đánh giá và công nhận lẫn nhau, sinh viên của Trường có thể đăng kí thực hiện học một số học phần tại các trường khác, nếu được Hiệu trưởng của hai trường đồng ý với số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại trường khác (nếu có) không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

8. Riêng đối với các ngành đào tạo giáo viên, Trường thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 4. Điều kiện, tiêu chí để công nhận kết quả và chuyển đổi tín chỉ theo từng học phần

1. Học phần được công nhận có trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng hoặc tương đương trở lên.

2. Học phần được công nhận có khối lượng học tập bằng hoặc lớn hơn số tín chỉ của học phần được chuyển đổi trong chương trình đào tạo theo học của Trường.

3. Các chứng chỉ được công nhận kết quả và chuyển đổi tín chỉ phải đảm bảo còn hiệu lực theo quy định.

4. Học phần được công nhận kết quả và chuyển đổi tín chỉ có chuẩn đầu ra phù hợp hoặc có nội dung tương đương ít nhất 70% so với học phần được chuyển đổi trong chương trình đào tạo của Trường.

5. Các học phần trong cùng nhóm tự chọn được công nhận tương đương và được công nhận kết quả học tập lẫn nhau.

Điều 5. Khối lượng, nội dung và giá trị chuyển đổi tín chỉ

1. Quy đổi khối lượng học tập từ đơn vị học trình về số tín chỉ của môn học/học phần theo bảng sau đây:

TT	Số ĐVHT	Số tín chỉ
1	3	2
2	4-5	3
3	6	4
4	≥ 7	5

Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng chuyên môn Nhà trường.

2. Quy đổi kết quả học tập giữa các thang điểm:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4	Đổi từ thang điểm chữ và thang điểm 4 sang thang 10
1	Từ 9,5 – đến 10	A+	4,0	9,7
2	Từ 8,5 – đến 9,4	A	3,7	9,0
3	Từ 8,0 – đến 8,4	B+	3,5	8,2
4	Từ 7,0 – đến 7,9	B	3,0	7,5
5	Từ 6,5 – đến 6,9	C+	2,5	6,7
6	Từ 5,5 – đến 6,4	C	2,0	6,0
7	Từ 5,0 – đến 5,4	D+	1,5	5,2
8	Từ 4,0 – đến 4,9	D	1,0	4,5

3. Cách chuyển đổi điểm từ 2 học phần được công nhận (ĐCN) trở lên cho 1 học phần được chuyển đổi (ĐCĐ)

Điểm HP ĐCĐ = ((HP ĐCN 1 x số TC) + (HP ĐCN 2 x số TC) + (HP ĐCNn x số TC)) / tổng số TC của các HP ĐCN. Tổng số TC của các HP ĐCN tối thiểu bằng số TC của các HP ĐCĐ.

4. Cách chuyển đổi điểm từ 1 HP ĐCN cho 2 HP ĐCĐ trở lên

Điểm HP ĐCN = Điểm HP ĐCĐ 1 = HP ĐCĐ 2 = Điểm HP ĐCĐn. Số TC của HP ĐCN phải tối thiểu bằng tổng số TC của các HP ĐCĐ.

5. Cách chuyển đổi điểm từ 1 HP ĐCN cho 1 HP ĐCĐ: Điểm HP ĐCĐ = điểm HP ĐCN. Số tín chỉ của HP ĐCN phải tối thiểu bằng số TC của HP ĐCĐ.

Điều 6. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ một số học phần chung

1. Đối với các học phần Giáo dục thể chất (GDTC), sinh viên có kết quả học tập của học phần nào thì được công nhận kết quả học tập của học phần đó. Sinh viên có chứng chỉ GDTC hợp lệ thì được miễn học, miễn thi và được công nhận đạt các môn GDTC có trong chương trình đào tạo.

2. Đối với các học phần GDQP&AN, sinh viên sinh viên có kết quả học tập của học phần nào thì được công nhận kết quả học tập của học phần đó nếu đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 3 Quy định này. Sinh viên đã có chứng chỉ GDQP&AN do các đơn vị có thẩm quyền cấp theo quy định với trình độ đại học thì được miễn học, miễn thi và công nhận đạt môn GDQP&AN theo quy định.

3. Sinh viên ở các khóa đào tạo khác nhau nếu chưa hoàn thành một trong các học phần GDQP&AN thì học các học phần tương đương như sau:

TT	Từ khóa 2018 trở về trước		Từ khóa 2019 trở lại đây	
	Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC
1	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1	3TC 45 tiết LT	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1	3TC 45 tiết LT
2	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2	2TC 30 tiết LT	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2	2TC 30 tiết LT
3	Giáo dục quốc phòng và an ninh 3	3TC 60 tiết TH	Giáo dục quốc phòng và an ninh 3	1TC 30 tiết TH
			Giáo dục quốc phòng và an ninh 4	2TC 60 tiết TH

4. Sinh viên ở các khóa đào tạo khác nhau nếu chưa hoàn thành một trong các học phần Lý luận chính trị thì học các học phần tương đương như sau:

TT	Từ khóa 2018 trở về trước		Từ khóa 2019 trở lại đây	
	Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số TC
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2TC	Triết học Mác-Lênin	3TC
2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3TC	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2TC
			Chủ nghĩa xã hội khoa học	2TC
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2TC	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2TC
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3TC	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2TC

5. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ các học phần ngoại ngữ:

a) Sinh viên học ngoại ngữ là ngôn ngữ nào trong chương trình đào tạo thì sử dụng các điều kiện minh chứng theo ngôn ngữ đó để xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ với các học phần ngoại ngữ.

b) Sinh viên đáp ứng điểm a khoản này và đáp ứng một trong các điều kiện sau thì được miễn học, miễn thi và công nhận điểm 10.0 đối với học phần Ngoại ngữ 1:

- Có chứng chỉ năng lực ngoại ngữ (trong thời hạn 2 năm tính đến thời điểm thông báo thu hồ sơ xét) từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

- Có bằng tốt nghiệp từ trình độ cao đẳng trở lên chuyên ngành ngoại ngữ.

- Đã từng học và tốt nghiệp trình độ trung học phổ thông trở lên ở nước ngoài.

c) Sinh viên đáp ứng điểm a khoản này và một trong các điều kiện sau thì được miễn học, miễn thi và công nhận điểm 10.0 đối với các học phần Ngoại ngữ 1 và Ngoại ngữ 2:

- Có chứng chỉ năng lực ngoại ngữ (trong thời hạn 2 năm tính đến thời điểm thông báo thu hồ sơ xét) từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

- Có bằng tốt nghiệp từ trình độ đại học trở lên chuyên ngành ngoại ngữ.

d) Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

(Chi tiết tại Phụ lục 1)

6. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ học phần Tin học:

Sinh viên không thuộc các ngành đào tạo về công nghệ thông tin và có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin thì được miễn học, miễn thi và công nhận điểm 10.0 đối với học phần Tin học.

Điều 7. Quy trình xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Đối với công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ theo từng nhóm học phần và cả chương trình đào tạo:

Bước 1. Sau khi Nhà trường ban hành thông báo tuyển sinh đối với các hệ, hình thức đào tạo, chậm nhất trước thời điểm bắt đầu giảng dạy chính khoá 02 (hai) tháng, đơn vị tổ chức đào tạo đề nghị bằng văn bản đến Ban Giám hiệu (thông qua Phòng QLĐT&CTHSSV) để xây dựng phương án công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ với các chương trình đào tạo chưa thực hiện.

Bước 2. Phòng QLĐT&CTHSSV chủ trì, phối hợp với đơn vị tổ chức đào tạo đề xuất, đơn vị đào tạo phụ trách ngành để xây dựng phương án công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ các chương trình đào tạo.

Bước 3. Phòng QLĐT&CTHSSV trình Hội đồng chuyên môn Nhà trường

hợp để xem xét phương án công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ các chương trình đào tạo.

Bước 4. Căn cứ kết quả họp Hội đồng chuyên môn Nhà trường, Phòng QLĐT&CTHSSV tổng hợp và trình Hiệu trưởng phê duyệt phương án công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ các chương trình đào tạo.

Bước 5. Sinh viên nộp xác nhận đã hoàn thành lệ phí xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ về phòng QLĐT&CTHSSV.

Bước 6. Phòng QLĐT&CTHSSV cập nhật thông tin công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ của sinh viên vào hệ thống quản lý đào tạo.

2. Đối với công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ theo từng học phần

a) Đối với các học phần đã được quy định tương đương:

Bước 1. Sinh viên làm đơn (theo mẫu), kèm theo các minh chứng nộp về đơn vị đào tạo quản lý sinh viên (Khoa/Viện/Trung tâm).

Bước 2. Các đơn vị đào tạo tập hợp hồ sơ của sinh viên, sắp xếp theo mẫu Phòng QLĐT&CTHSSV hướng dẫn và gửi về phòng QLĐT&CTHSSV để rà soát, thực hiện.

Bước 3. Thông báo kết quả tới sinh viên.

Bước 4. Sinh viên nộp xác nhận đã hoàn thành lệ phí xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ về phòng QLĐT&CTHSSV.

Bước 5. Phòng QLĐT&CTHSSV cập nhật điểm của sinh viên vào hệ thống quản lý đào tạo.

b) Đối với các học phần chưa được quy định tương đương:

Bước 1. Sinh viên làm đơn nộp về đơn vị đào tạo quản lý sinh viên (Khoa/Viện/Trung tâm), hồ sơ gồm có:

- Đơn (theo mẫu);
- Bản sao chứng thực giấy tờ liên quan để làm căn cứ đề nghị được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.

Bước 2. Các đơn vị đào tạo tập hợp hồ sơ của sinh viên, sắp xếp theo mẫu Phòng QLĐT&CTHSSV hướng dẫn; căn cứ vào các quy định hiện hành tổ chức xét cấp Đơn vị đào tạo, sau đó gửi biên bản xét, danh sách xét và toàn bộ hồ sơ về phòng QLĐT&CTHSSV.

Bước 3. Phòng QLĐT&CTHSSV tổ chức rà soát, đối sánh và tổng hợp kết quả, trình Hiệu trưởng phê duyệt; thông báo kết quả tới sinh viên.

Bước 4. Sinh viên nộp xác nhận đã hoàn thành lệ phí xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ về phòng QLĐT&CTHSSV.

Bước 5. Phòng QLĐT&CTHSSV cập nhật điểm của sinh viên vào hệ thống quản lý đào tạo.

Điều 8. Trách nhiệm và nghĩa vụ của sinh viên

1. Sinh viên phải nghiên cứu và nắm rõ các quy định, điều kiện về công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ. Nộp đơn và các hồ sơ minh chứng theo quy định về đơn vị đào tạo quản lý sinh viên theo thông báo.

2. Sinh viên được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ phải nộp lệ phí theo quy định của Nhà trường.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Phòng QLĐT&CTHSSV có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức, triển khai, báo cáo và trình Hiệu trưởng ban hành Quyết định hoặc Thông báo công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên.

2. Các đơn vị đào tạo quản lý sinh viên (Khoa/Viện/Trung tâm) thực hiện theo các nội dung quy định tại văn bản này.

3. Phòng Thanh tra – Pháp chế, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục chịu trách nhiệm xác thực văn bằng, bằng điểm, chứng chỉ,... do sinh viên nộp về để làm căn cứ xem xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.

4. Phòng Kế hoạch – Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, thông báo cho sinh viên nộp lệ phí công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.

5. Quyết định/Thông báo và danh sách công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ được lưu trữ theo quy định về lưu trữ kết quả kiểm tra đánh giá của sinh viên tại các đơn vị quản lý sinh viên.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho tất cả sinh viên các khoá đào tạo.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, các đơn vị, cá nhân cần có ý kiến bằng văn bản về phòng QLĐT&CTHSSV để trình Hiệu trưởng xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn đào tạo của Nhà trường./.

PHỤ LỤC 1

**Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế theo
Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 391/QĐ-ĐHTĐHN ngày 01 / 8 /2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/ thang điểm		
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4	Tương đương Bậc 5
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT (Không chấp nhận TOEFL iBT-Home edition)	30-45	46-93	94-109
		TOEFL ITP	450-499	500-589	590-649
		IELTS	4.0-5.0	5.5-6.5	7.0-7.5
		Aptis ESOL International Certificate	B1	B2	C1
		TOEIC 4 kĩ năng	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179	Nghe: 490-495 Đọc: 455-495 Nói: 180-200 Viết: 180-200
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance	TCF: 300-399	TCF: 400-499	TCF: 500-599
		francaise	Văn bằng DELF B1	Văn bằng DELF B2	Văn bằng DALF C1
		diplomas	Diplôme de Langue	Diplôme de Langue	Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe- Zertifikat B1	Goethe- Zertifikat B2	Goethe-Zertifikat C1
		The German	TestDaF Bậc 3	TestDaF Bậc 4	TestDaF Bậc 5
		TestDaF language certificate	(TDN 3)	(TDN 4)	(TDN 5)
4	Tiếng Trung	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4	HSK Bậc 5
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3	N2
6	Tiếng Nga	TPKI	TPKI-1	TPKI-2	TPKI-3

Ghi chú: Ngoài những chứng chỉ được quy định nêu trên, sinh viên có thể cung cấp các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố để xét theo quy định.